

Số: 123/2021/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC, ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra

của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

Các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, hợp tác xã, làng nghề, hội, hiệp hội, tổ chức và cá nhân (Sau đây gọi là các tổ chức và cá nhân).

2. Điều kiện hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ khi tham gia hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp (bao gồm: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý), thực hiện các hoạt động liên quan tới phát triển tài sản trí tuệ, triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước:

- a) 30 triệu đồng/01 đơn đăng ký bảo hộ sáng chế
- b) 15 triệu đồng/01 văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp
- c) 15 triệu đồng/01 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu

2. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu ở nước ngoài: 60 triệu đồng/01 đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

3. Hỗ trợ thiết kế kênh thông tin điện tử, hệ thống nhận diện thương hiệu cho sản phẩm: 40 triệu đồng/tổ chức, hoặc cá nhân.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ thông qua hình thức Dự án xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hàng hóa của tỉnh và Đề tài/Dự án triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh trên cơ sở kết quả thẩm định tổng mức kinh phí từng dự án cụ thể, theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ

trường Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Báo Ninh Bình, Đài PT&TH tỉnh;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng